

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS- ST

Ngày: 08- 4- 2022

V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc Kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST- DS ngày 23/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Bình Tr, sinh năm 1974; Địa chỉ: Cụm 7, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1970 và Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: Cụm 6, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Anh và vợ chồng anh L, chị Th là người cùng xã nên cũng quen biết nhau từ lâu. Anh biết anh L có nghề lái xe taxi còn chị L làm nghề buôn bán. Khoảng tháng 4 năm 2016, vợ chồng anh L đến nhà anh hỏi vay số tiền 50 triệu đồng để làm ăn. Do có bạn của anh là Q đi cùng giới thiệu nên anh tin tưởng và đồng ý cho vợ chồng anh L vay số tiền 50 triệu đồng. Khi anh

đưa tiền thì chị Th, vợ anh L nhận và đếm lại tiền. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là ba tháng. Lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng, tháng nào phải trả dứt điểm tháng đó vào ngày cuối tháng âm lịch. Hết hạn trả nợ thì bên vay phải trả đủ nợ gốc. Nội dung lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Để làm tin, anh L đưa cho anh giữ một GCNQSD đất (sổ đỏ) mang tên anh L và hẹn khi nào vợ chồng anh L mang tiền trả nợ gốc thì lấy lại sổ đỏ. Hết thời hạn 3 tháng, anh L xin gia hạn và tiếp tục trả lãi. Tổng cộng anh L đã trả được khoảng 10 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.000.000 đồng, sau đó thì không tiếp tục trả nữa và cũng không trả tiền gốc. Thỉnh thoảng anh cũng đòi nhưng anh L không trả. Khoảng tháng 6 năm 2021, anh Tr đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh L phải trả số tiền 50 triệu mà anh đã cho vay. Tại Tòa án, anh L đã thừa nhận có vay tiền, chưa trả tiền gốc và hứa khi nào có sẽ trả nên anh đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho anh L trả dần cho anh nhưng sau đó không thấy anh L chủ động mang tiền đến trả nên anh tiếp tục khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L phải trả cho anh số tiền 50 triệu đồng anh đã đưa cho vợ chồng anh L vay và không đòi tiền lãi. Về sổ đỏ của anh L đã đưa cho anh giữ làm tin, hiện nay anh vẫn đang cầm. Khi nào vợ chồng L trả đủ cho anh số tiền 50 triệu đồng thì anh sẽ trả lại cho anh L sổ đỏ.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh L và chị Th đều không có ý kiến gì. Tòa án cũng thông báo cho anh, chị tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng anh, chị đều không đến để làm việc và cũng từ chối làm việc với Tòa án để giải quyết vụ việc. Tòa án đã sao lục Bản tự khai của anh Trần Văn L tại hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST- DS ngày 23/6/2021 trong đó anh L đã thừa nhận: Ngày 05/4/2016, anh và vợ là chị Nguyễn Thị Th có vay của anh Hoàng Bình Tr 50 triệu đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng, thời hạn vay 3 tháng. Sau khi vay, anh đã trả lãi cho anh Tr đến tháng 6 năm 2018 thì không trả lãi nữa và chưa trả được đồng gốc nào. Anh Tr khởi kiện yêu cầu trả 50 triệu đồng, khi nào có anh sẽ trả.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, anh Hoàng Bình Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th trả lại cho anh số tiền 50 triệu đồng mà anh đã đưa cho vợ chồng anh chị vay. Anh không đòi anh L, chị Th phải trả tiền lãi.

Bị đơn là anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 50 triệu đồng. Nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn GCNQSD đất. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Anh Hoàng Bình Tr là nguyên có đơn khởi kiện bị đơn là anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th để đòi tài sản là số tiền 50 triệu đồng mà anh đã đưa cho anh L, chị Th vay. Anh L, chị Th cư trú tại cụm 6, xã TX, huyện ĐP, vì vậy, căn cứ các quy định tại theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Kiện đòi tài sản.

[1.2] Các đương sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và Giấy vay tiền ngày 05/4/2016 có chữ ký của người vay tiền là Nguyễn Thị Th, Trần Văn L đủ căn cứ xác định: Ngày 05/4/2016, anh Trần Văn L và vợ là chị Nguyễn Thị Th đã nhận của anh Hoàng Bình Tr số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) trên cơ sở Hợp đồng vay và cho đến nay anh L, chị Th vẫn chưa trả được anh Tr số tiền 50 triệu đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 50 triệu đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả tiền: Theo lời khai của nguyên đơn thì cả anh L và chị Th đều đến hỏi vay tiền của anh. Anh đã đưa tiền cho hai người. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung Giấy vay tiền có chữ ký của anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị Th và phù hợp với lời khai nhận của anh Trần Văn L tại bản tự khai. Vì vậy, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh L, chị Th. Do đó, anh L và chị Th phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền 50 triệu đồng cho nguyên đơn.

[2.3]. Đối với số tiền lãi: Theo nguyên đơn thì tuy tại Giấy vay tiền không thể hiện nội dung về lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng về số tiền lãi là 1.000.000 đồng/1 tháng/ 50 triệu đồng tương đương với lãi suất 2%/tháng. Bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 10 tháng tiền lãi. Theo bị đơn thì đúng hai bên thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/1 tháng/ số tiền 50 triệu đồng nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền lãi cho đến tháng 6 năm 2018 thì không trả được nữa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng minh chính xác số tiền lãi các bên đã trả cho nhau là bao nhiêu. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Bị đơn cũng không có yêu cầu,

đề nghị gì đối với Tòa án về việc tính lại lãi suất mà bị đơn đã trả theo đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về số tiền lãi.

[3] Đối với GCNQSD đất số BY 229740 ngày 21/4/2015 do UBND huyện ĐP cấp cho người sử dụng đất là ông Trần Văn L: Anh Tr và anh L đều khai nhận, khi anh Tr cho vợ chồng anh L vay tiền, anh L đã đưa cho anh Tr bản chính của Giấy chứng nhận trên để làm tin. Xét thấy, mặc dù khi hai bên giao, nhận với nhau GCNQSD đất để nhằm mục đích bảo đảm cho khoản vay. Bản thân anh Tr cũng thừa nhận, anh L chỉ giao cho anh cầm giữ đối với giấy GCNQSD đất, hai bên không lập văn bản cầm cố hoặc thế chấp đối với giá trị của quyền sử dụng đất được ghi trong GCNQSD đất đó. Hai bên thỏa thuận khi nào anh L và chị Th trả anh hết số tiền vay thì anh cũng phải trả lại cho anh L GCNQSD đất.

Theo quy định của pháp luật thì GCNQSD đất không phải là một loại giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật mà chỉ là chứng thư ghi nhận quyền của chủ sử dụng đất đối với tài sản là quyền sử dụng đất. Do đó, GCNQSD đất mà anh L giao cho anh Tr cầm giữ không thể quy đổi thành giá trị để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ của anh L và chị Th. Vì vậy, anh L và chị Th phải thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền đã vay của anh Tr như nêu trên còn anh Tr cũng phải trả lại GCNQSD đất cho anh L.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Bình Tr đối với anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th.

Buộc Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th phải trả cho anh Hoàng Bình Tr số tiền 50.000. 000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh Hoàng Bình Tr có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Văn L bản chính GCNQSD đất số BY 229740 do UBND huyện ĐP cấp ngày 21/4/2015 cho người sử dụng đất ông Trần Văn L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Th phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh Hoàng Bình Tr số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002659 ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà